Thứ Năm, Ngày 22 Tháng 1 Năm 2026

Chứng khoán Việt Nam

Thông tin thị trường chuyên sâu

Shinhan Securities

Báo cáo ngày

Xu hướng thị trường:

Khối ngoại bán ròng áp đảo

▶ Chỉ số mở cửa phiên giao dịch với gap tăng mạnh 9.64 điểm sau phiên điều chỉnh trước đó. Khối ngoại tiếp tục kéo dài đà bán ròng mạnh trong phiên gây áp lực lên đà hồi phục của chỉ số. Nhịp điều chỉnh của thị trường diễn ra khi chỉ số trở lại vùng đỉnh lịch sử mới 1,900 và chịu áp lực bán của khối ngoại. Khối ngoại tập trung bán ròng chốt lời nhóm cổ phiếu ngân hàng có vốn nhà nước trong phiên hôm nay.

▶ Kết thúc phiên giao dịch, chỉ số VN-Index giảm nhẹ 2.71 điểm (-0.14%), đạt 1,882.73 điểm; HNX-Index tăng 5.77 điểm (+2.28%), đạt 258.43 điểm. Thanh khoản toàn thị trường sụt giảm trong phiên điều chỉnh của chỉ số, đạt bằng mức trung bình 20 phiên, đạt 37.1 nghìn tỷ đồng, tương ứng với 1,236 triệu cổ phiếu được giao dịch. Khối ngoại bán ròng mạnh 1,455 tỷ đồng, trong đó giá trị bán ròng lớn nhất là VHM, VCB và VHM. Ngược lại, FPT, GMD và GVR là những cổ phiếu mua ròng tiêu biểu.

▶ VCB (-2.47%), GAS (-4.73%), VHM (-1.95%) là ba cổ phiếu đã gây áp lực lên thị trường. Ở chiều ngược lại, VIC (+0.37%), STB (+2.25%), GVR (+1.30%) là ba mã cổ phiếu đã kìm đà điều chỉnh của thị trường trong phiên hôm nay.

▶ Viễn thông, Thương mại và Tiện ích là các nhóm ngành gây ảnh hưởng tiêu cực nhất đến thị trường trong phiên hôm nay. Các mã tiêu biểu là VGI, VEF và GAS.

▶ **Góc nhìn kỹ thuật**: Áp lực chốt lời xuất hiện ở nhóm SOEs đã tăng nóng thời gian qua như VCB, BID, nhóm VIC và nhóm dầu khí khiến VN-Index kết phiên trong sắc đỏ. Dòng tiền có dấu hiệu luân chuyển sang nhóm cổ phiếu đi ngang hoặc điều chỉnh trong thời gian qua như chứng khoán, bất động sản. VN-Index tiếp tục có một phiên biến động nhỏ, thanh khoản trung bình, cho thấy tâm lý chờ đợi đang chủ đạo trên thị trường. Chỉ số RSI hiện đã giảm về vùng trung tính (quanh 65), trong một xu hướng chính là uptrend.

Trong bối cảnh Đại hội Đảng XIV đang diễn ra, thanh khoản thị trường có xu hướng chững lại khi nhà đầu tư duy trì tâm lý thận trọng và ưu tiên quan sát. Tuy vậy, chúng tôi cho rằng dòng tiền sẽ sớm cải thiện trở lại ngay sau khi bộ máy lãnh đạo mới được kiện toàn. Thực tế lịch sử các kỳ Đại hội trước cho thấy, khi định hướng chính sách trở nên rõ ràng, tâm lý thị trường thường được cởi trói, qua đó tạo động lực cho nhịp tăng điểm mới.

Dưới góc nhìn thống kê, chúng tôi theo dõi tỷ lệ phần trăm các mã cổ phiếu giao dịch trên đường trung bình động 50 ngày (EMA50) như một chỉ báo để xác định đáy thị trường. Trong lịch sử, VN-Index thường xác nhận đáy khi tỷ lệ này dao động trong khoảng từ 30% đến 40% và tạo đỉnh quanh vùng 60-70%. Với con số hiện tại đang ở mức trên 46%, dữ liệu cho thấy dư địa tăng trưởng vẫn còn cho phần lớn các cổ phiếu.



Các chỉ số chính trên thị trường chứng khoán Việt Nam (tỷ đồng)

Index	Giá	%1D	%1M	%1Yr.	PER	PBR	Vốn hóa
VN-Index	1,883	-0.1	7.5	51.5	18.3	2.2	8,764,641
VN30 Index	2,082	0.1	4.9	59.0	17.9	2.5	6,174,043
VN Midcap	2,278	1.4	0.8	22.8	15.4	1.6	1,225,998
VN Smallcap	1,515	1.2	1.4	7.5	13.4	1.0	284,582
HNX Index	258	2.3	0.5	17.1	21.7	1.4	403,579
UpCom	127	1.0	6.1	36.6	13.4	1.8	677,203

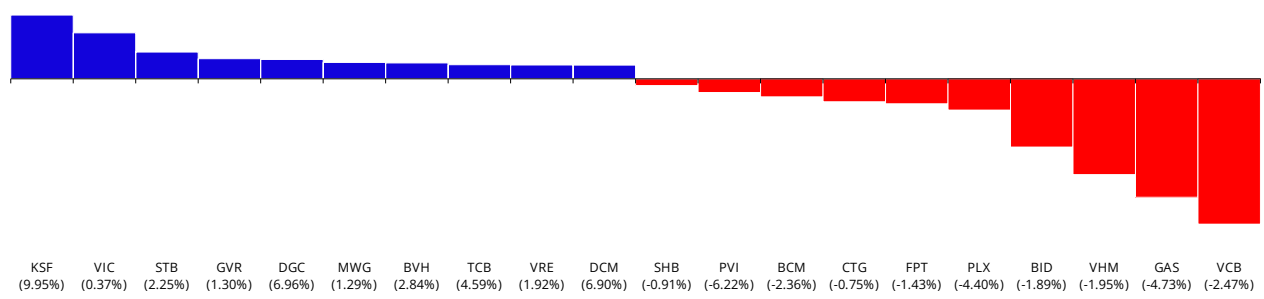
Nhóm ngành (tỷ đồng)

Nhóm ngành	%1D	%1M	%YTD	%1 YR.	PER	PBR	Vốn hóa
Bán lẻ	0.9	10.1	-0.2	1.3	40.0	4.6	172,774
Bảo hiểm	2.2	37.1	27.0	40.0	21.3	2.2	70,591
Bất động sản	0.1	13.2	-6.0	225.4	44.1	3.4	2,181,024
CNTT	-1.4	10.1	8.7	-21.1	22.5	4.7	193,945
Dầu khí	-4.0	57.3	41.2	38.7	30.4	3.4	87,965
Dịch vụ tài chính	0.9	9.1	7.8	37.5	15.8	1.7	259,074
Tiện ích	-3.0	42.7	23.7	41.0	25.1	2.6	400,745
Du lịch và Giải trí	0.0	2.3	-1.5	56.1	19.6	14.6	195,132
Hàng & DV CN	0.7	7.7	5.1	23.9	15.8	1.9	177,080
Hàng CN & Gia dụng	0.4	13.8	8.8	5.2	14.7	1.9	63,016
Hóa chất	2.6	28.2	33.2	16.3	23.9	2.2	255,161
Ngân hàng	-0.6	16.8	11.9	36.0	11.4	1.9	2,916,984
Ô tô và phụ tùng	3.4	-2.6	1.0	14.1	23.6	1.3	16,092
Tài nguyên Cơ bản	0.4	3.9	3.9	17.6	18.6	1.6	255,218
Th.phẩm & Đồ uống	0.4	8.4	7.4	16.0	21.4	2.8	488,057
Truyền thông	-1.4	8.6	9.9	-13.4	19.2	1.5	2,952
Xây dựng và Vật liệu	1.4	-0.6	3.9	15.9	18.6	1.6	150,266
Y tế	0.8	6.7	3.4	4.2	18.2	2.3	41,738

Tiền tệ và hàng hóa

	Tỷ giá	%1D	%1W	%1M	%3M	%YTD	%1Yr.
Dollar index	99	0.0	-0.3	0.4	-0.2	0.4	-8.7
USD/JPY	159	0.3	0.1	1.1	4.4	1.3	1.4
USD/CNY	7	0.0	0.0	-1.0	-2.2	-0.3	-4.3
KRW/USD	1,470	0.3	0.1	-0.7	2.7	2.1	2.3
EUR/USD	1	0.0	-0.7	0.6	-0.7	0.5	-11.0
USD/VND	26,270	0.0	0.0	-0.2	-0.3	-0.1	4.7
Dầu Thô	60	-0.9	-3.2	3.5	2.6	4.6	-20.4
Xăng	237	27.6	29.5	36.1	27.1	39.0	15.2
Khí đốt	5	9.1	70.5	34.2	54.2	44.3	34.3
Than	109	-0.5	0.3	0.9	5.1	1.7	-7.1
Vàng	4,822	-0.2	4.5	8.5	17.7	11.6	74.9
Thép cuộn	3,278	0.1	-0.3	0.1	-0.7	0.2	-5.1

Đóng góp vào VN Index



[Analyst]
Nhi Nguyen
☎ (84-28) 6299 - 8000
✉ nhi.ntt@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV
để cập nhật báo cáo mới nhất

Quét mã QR hoặc
click để theo dõi

Điểm tin thị trường

Tin tức nổi bật

1. LPB – Ngân hàng: Năm 2025, LPBank đạt lợi nhuận trước thuế gần 14,300 tỷ đồng, tăng 17% so với năm 2024, tỷ lệ nợ xấu kiểm soát ở mức 1.68% và tổng tài sản đạt 605.600 tỷ đồng.

2. PNJ – Bán lẻ: PNJ ghi nhận lãi sau thuế quý IV/2025 đạt 1,219 tỷ đồng, tăng 66,8% nhờ biên lợi nhuận gộp tăng lên 22%. Công ty dự kiến phát hành 170.6 triệu cổ phiếu thưởng tỷ lệ 50% để tăng vốn lên 5,117 tỷ đồng.

3. VND – Chứng khoán: Năm 2025, VNDIRECT ghi nhận lợi nhuận trước thuế 2,508 tỷ đồng, tăng 20% so với năm trước và hoàn thành 109% kế hoạch năm; tổng tài sản đạt 51,629 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu 20,903 tỷ đồng.

4. KDH – Bất động sản: Khang Điền ghi nhận lợi nhuận ròng sơ bộ hơn 1,000 tỷ đồng năm 2025 và đặt mục tiêu lợi nhuận ròng vượt 2,000 tỷ đồng năm 2026 nhờ đóng góp từ dự án Gladia by the Waters.

5. SAS – Công nghiệp: Sasco ghi nhận lợi nhuận sau thuế quý 4/2025 đạt 367 tỷ đồng, tăng gần 3 lần so với cùng kỳ; cổ phiếu SAS tăng kịch trần 15% lên 39,700 đồng/CP trong phiên 21/1 với 835,000 cổ phiếu khớp lệnh.

6. QTP – Năng lượng: Tại ngày 31/12/2025, CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh không còn nợ vay tài chính, lãi ròng năm 2025 đạt 1,051 tỷ đồng, vượt 128.5% kế hoạch, doanh thu đạt 10,786 tỷ đồng.

7. SCD – Thực phẩm: CTCP Nước giải khát Chương Dương ghi nhận lỗ sau thuế hơn 80,4 tỷ đồng năm 2025, lỗ lũy kế vượt 346.9 tỷ đồng và tổng nợ phải trả hơn 759.6 tỷ đồng, trong đó nợ với Sabeco gần 488 tỷ đồng.

8. PDR – Bất động sản: HĐQT Phát Đạt thông qua việc góp thêm hơn 982,3 tỷ đồng vào Serenity, nâng tổng vốn góp lên gần 1.083 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ sở hữu 99.34% tại Serenity.

9. DHG – Dược: Doanh thu thuần quý 4/2025 của Dược Hậu Giang đạt 1,742.4 tỷ đồng, tăng 19.5% so với cùng kỳ và là mức cao nhất lịch sử, giúp doanh nghiệp vượt 1.1% kế hoạch doanh thu năm 2025.

Cổ phiếu nổi bật trong ngày

CTCP Chứng khoán SSI - SSI

SSI – Chứng khoán: SSI tiếp tục phân phối gần 11.6 triệu cổ phiếu chưa được đăng ký mua từ đợt chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu với giá 15,000 đồng/cổ phiếu, thời hạn đăng ký và nộp tiền từ 21/1/2026 đến 12h ngày 23/1/2026.



Xu hướng dòng tiền

Luân chuyển dòng tiền giữa các nhóm ngành (tỷ đồng)

STT	Nhóm ngành	% Thay đổi thanh khoản trung bình 1 tuần	1/21/2026	1/22/2026	TB 1 tuần	Xu hướng 20 phiên
1	Hóa chất	53.0	1,792	2,186	1,428	
2	Truyền thông	36.7	56	39	28	
3	Ô tô và phụ tùng	28.0	55	83	65	
4	Bất động sản	22.4	4,273	5,117	4,181	
5	Y tế	19.5	50	61	51	
6	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	6.7	863	861	806	
7	Xây dựng và Vật liệu	-0.2	1,292	1,268	1,270	
8	Ngân hàng	-1.1	8,894	8,038	8,128	
9	Dầu khí	-1.7	2,421	1,926	1,958	
10	Du lịch và Giải trí	-7.2	333	320	345	
11	Bán lẻ	-15.9	717	716	852	
12	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-18.2	2,024	1,367	1,672	
13	Bảo hiểm	-21.0	133	173	219	
14	Thực phẩm và đồ uống	-25.9	2,207	1,893	2,554	
15	Tài nguyên Cơ bản	-31.5	1,349	1,009	1,473	
16	Hàng cá nhân & Gia dụng	-32.8	300	257	383	
17	Dịch vụ tài chính	-35.3	6,707	2,856	4,414	

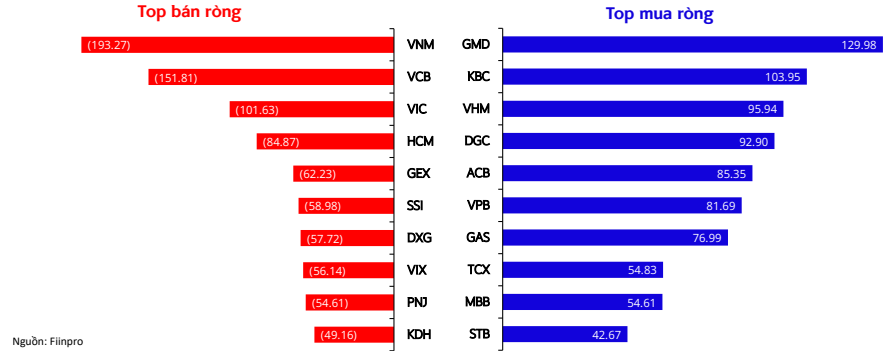
Top 15 cổ phiếu có giá trị giao dịch đột biến 1 tuần

Mã	Tên doanh nghiệp	Nhóm ngành	% Thay đổi			Thống kê giao dịch		
			Giá đóng cửa	%1D	% 1W	%YTD	% Thay đổi GTGD	GTGD (tỷ đồng)	Xu hướng
VCB	Vietcombank	Ngân hàng	71,000	-2.5	-1.3	17.2	460	1,358.5	
CTG	VietinBank	Ngân hàng	39,900	-0.7	-0.2	53.9	127	879.0	
VHM	Vinhomes	Bất động sản	120,500	-2.0	0.4	201.3	87	957.3	
VCI	Chứng khoán Vietcap	Dịch vụ tài chính	35,150	0.4	0.9	8.2	20	356.3	
MSN	Tập đoàn Masan	Thực phẩm và đồ uống	79,900	0.0	-1.4	14.1	(12)	403.5	
VIX	Chứng khoán VIX	Dịch vụ tài chính	24,600	1.0	-2.0	162.2	(13)	800.6	
MBB	MBBank	Ngân hàng	26,950	-0.2	-1.1	64.5	(21)	475.5	
DIG	DIC Corp	Bất động sản	16,600	6.8	0.6	1.6	(27)	377.8	
MWG	Thế giới di động	Bán lẻ	86,500	1.3	3.0	43.8	(23)	467.5	
GEX	Tập đoàn Gelex	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	39,950	1.9	-5.3	127.3	(45)	249.8	
TCB	Techcombank	Ngân hàng	36,000	0.6	1.1	49.9	(40)	315.6	
VND	Chứng khoán VNDIRECT	Dịch vụ tài chính	19,200	1.1	-7.7	57.2	(58)	212.1	
SHB	SHB	Ngân hàng	16,300	-0.9	-1.2	107.0	(25)	966.0	
SSI	Chứng khoán SSI	Dịch vụ tài chính	31,900	0.6	-2.3	37.9	(37)	748.5	
HPG	Hòa Phát	Tài nguyên Cơ bản	26,850	0.2	-2.7	20.9	(47)	749.4	

Top 10 cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến 1 tuần

Mã	Tên doanh nghiệp	Nhóm ngành	% thay đổi			Thống kê giao dịch		
			Giá đóng cửa	%1D	% 1W	%YTD	% Thay đổi KLGD	Khối lượng giao dịch	Xu hướng
GEE	Thiết bị điện GELEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	204,000.0	1.3	-8.8	-16.9	3.4	125.70	
DPG	Tập đoàn Đạt Phương	Xây dựng và Vật liệu	44,950.0	4.5	7.0	19.9	5.0	47.65	
HHP	Giấy Hoàng Hà Hải Phòng	Tài nguyên Cơ bản	12,700.0	-1.6	3.3	14.4	10.2	10.70	
BFC	Phân bón Bình Điền	Hóa chất	48,800.0	3.9	-2.6	14.3	2.2	42.25	
DGW	Thế Giới Số	Bán lẻ	45,000.0	-1.9	4.7	15.4	1.1	41.25	
HVH	Đầu tư và Công nghệ HVC	Xây dựng và Vật liệu	13,100.0	0.4	-2.2	-2.2	2.5	13.55	
CIG	Xây dựng COMA 18	Xây dựng và Vật liệu	8,880.0	0.3	-1.3	4.5	1.8	9.30	
CKG	Xây dựng Kiên Giang	Bất động sản	10,300.0	3.3	0.5	3.0	-4.8	12.40	
RYG	Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia	Xây dựng và Vật liệu	10,400.0	1.5	2.0	1.0	-6.9	11.00	
TDP	Công ty Thuận Đức	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	30,100.0	2.0	8.7	3.8	-3.5	33.20	

Top mua bán ròng của khối ngoại trong ngày (tỷ đồng)



Nguồn: Fiinpro

Giao dịch của khối ngoại (tỷ đồng)

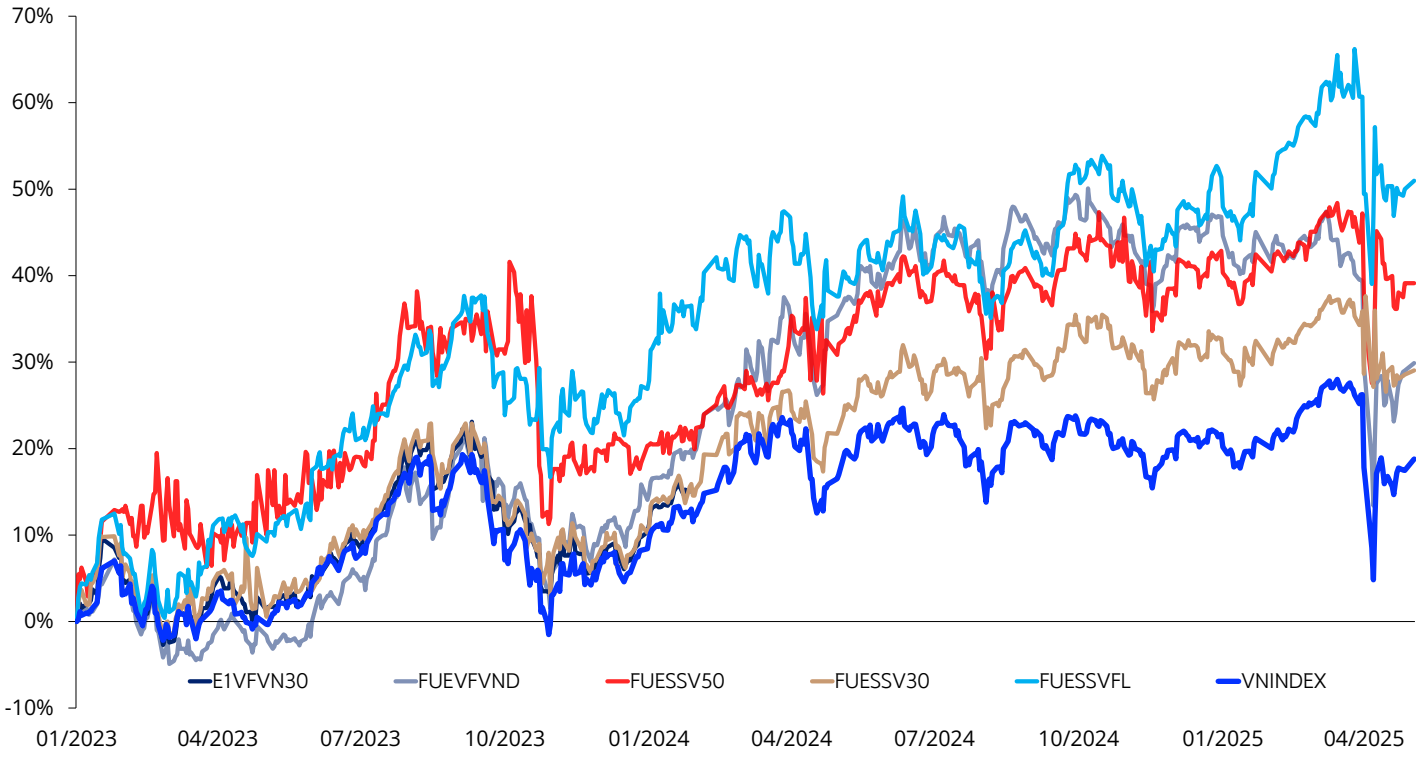
Ngày	Mua	Bán	Mua-Bán ròng
1/21/2026	3,560.7	3,873.6	-312.9
1/20/2026	4,383.1	6,060.0	-1,676.9
1/19/2026	11,681.4	11,179.4	502.0
1/16/2026	3,293.2	4,420.0	-1,126.9
1/15/2026	3,716.0	4,557.8	-841.8
1/14/2026	4,523.5	4,986.4	-462.9
1/13/2026	4,479.8	4,962.4	-482.7
1/12/2026	4,987.0	3,916.4	1,070.6
1/9/2026	4,734.1	3,929.4	804.8
1/8/2026	5,225.8	4,772.5	453.3
1/7/2026	4,551.8	4,029.2	522.6
1/6/2026	3,075.5	3,491.3	-415.7
1/5/2026	2,568.3	3,303.4	-735.1
12/31/2025	1,920.1	1,205.8	714.3
12/30/2025	2,549.4	1,547.6	1,001.8
12/29/2025	2,484.8	2,572.8	-88.0

Chứng chỉ quỹ ETF

Thống kê giao dịch chứng chỉ quỹ ETF nội địa

Stt	Tên quỹ	Mã chứng chỉ quỹ	Giá (VND)	%1D	%1M	YTD	KLGD	GTGD (tỷ đồng)	Thanh khoản 20 phiên
1	DCVFMVN30 ETF Fund	E1VFVN30	36,800	0.0%	4.6%	2.0%	611,000	22.5	
2	SSIAM VNX50 ETF	FUESSV50	30,500	1.7%	7.8%	7.3%	6,500	0.2	
3	SSIAM VNFIN LEAD ETF	FUESSVFL	31,920	-0.6%	4.7%	5.1%	44,400	1.4	
4	DCVFMVN Diamond ETF	FUEVFVND	39,900	1.0%	5.3%	4.2%	565,600	22.7	
5	VinaCapital VN100 ETF	FUEVN100	26,600	1.5%	2.9%	4.2%	28,100	0.7	
6	SSIAM VN30 ETF	FUESSV30	25,850	-0.7%	4.4%	1.4%	17,900	0.5	
7	MAFN VN30 ETF	FUEMAV30	25,150	-0.2%	4.8%	1.4%	17,600	0.4	
8	IPAAM VN100 ETF	FUEIP100	13,090	-1.4%	1.6%	5.1%	1,000	0.0	
9	KIM Growth VN30 ETF	FUEKIV30	14,140	0.4%	6.7%	2.7%	700	0.0	
10	DCVFMVN Mid Cap ETF	FUEDCMID	14,800	0.8%	1.4%	-0.1%	11,400	0.2	
11	KIM Growth VNFINSELECT ETF	FUEKIVFS	18,170	0.0%	5.2%	3.4%	0	n.a	
12	MAFM VNDIAMOND ETF	FUEMAVND	16,850	0.3%	4.5%	3.3%	2,200	0.0	
13	FPT CAPITAL VNX50 ETF	FUEFCV50	15,600	-2.5%	3.2%	8.3%	2,000	0.0	
14	KIM GROWTH VN DIAMOND ETF	FUEKIVND	14,880	n.a	4.4%	3.5%	200	0.0	
15	Bao Viet Fund VN Diamond	FUEBFVND	n.a	n.a	0.0%	0.0%	0	n.a	
16	An Binh Fund VN Diamond	FUEABVND	11,900	0.0%	3.5%	10.1%	0	n.a	

Tỷ suất lợi nhuận của các ETF và VNINDEX



Thống kê chứng chỉ quỹ ETF nội địa

Stt	Tên quỹ	Công ty quản lý	Ngày thành lập	Mô phỏng chỉ số	Tài sản (triệu USD)	Dòng vốn ròng 1M (triệu USD)	Dòng vốn ròng 3M (triệu USD)	Tỷ suất lợi nhuận 1Y (%)	Độ lệch chuẩn 1Y (%)	Beta	Lợi suất cổ tức (%)	PB (x)	PE (x)	Tỷ trọng top 10 cổ phiếu (%)
1	DCVFMVN30 ETF Fund	DCVFM	8/14/2014	VN30TR	t be empty	(115,498)	119,253	60.7	18.4	1.0	1.68	2.4	15.2	66.8
2	SSIAM VNX50 ETF	SSIAM	12/15/2014	VNX50IX	n.a	5,620	5,620	55.6	23.1	0.8	1.81	1.6	12.2	52.3
3	SSIAM VNFIN LEAD ETF	SSIAM	2/24/2020	VNFL	n.a	-	38,429	49.9	24.9	1.0	1.95	1.6	9.4	84.0
4	DCVFMVN Diamond ETF	DCVFM	5/12/2020	VND	n.a	187,894	219,645	23.5	21.5	0.9	2.00	2.1	13.0	84.0
5	VinaCapital VN100 ETF	Vinacapital	6/16/2020	VN100	n.a	-	-	52.1	19.5	0.9	1.55	2.1	14.3	53.5
6	SSIAM VN30 ETF	SSIAM	7/27/2020	VN30	n.a	7,383	12,018	58.6	21.3	0.8	1.58	2.5	15.5	66.2
7	MAFN VN30 ETF	MAFM	12/8/2020	VN30	n.a	(22,284)	(33,810)	58.3	21.0	1.0	1.62	2.5	15.8	71.6
8	IPAAM VN100 ETF	I.P.A	7/28/2021	VN100	n.a	-	-	63.4	55.7	0.9	1.65	2.0	13.4	51.9
9	KIM Growth VN30 ETF	KIM	1/6/2022	VN30TR	n.a	-	(41,532)	60.1	23.6	0.9	1.78	1.8	11.3	58.9
10	DCVFMVN Mid Cap ETF	DCVFM	9/29/2022	VNMidcap	n.a	-	-	28.1	25.0	0.8	1.43	1.6	13.7	39.4
11	KIM Growth VNFINSELECT ETF	KIM	11/3/2022	VNFS	n.a	(8,614)	(8,614)	42.5	25.6	0.9	1.97	1.4	8.8	71.1
12	MAFM VNDIAMOND ETF	MAFM	3/2/2023	VND	n.a	(12,891)	(37,602)	23.4	23.1	0.9	1.95	2.1	13.3	85.3
13	FPT CAPITAL VNX50 ETF	FPTF	5/25/2023	VNX50	n.a	-	-	38.8	36.6	0.6	n.a	n.a	n.a	n.a
14	KIM GROWTH VN DIAMOND ETF	KIMF	4/24/2024	VNX50	n.a	n.a	n.a	22.8	25.6	1.0	1.99	1.9	12.4	81.7
15	Bao Viet Fund VN Diamond	BVF	#N/A N/A	VN30	n.a	n.a	n.a	n.a	0.0	n.a	n.a	n.a	n.a	n.a
16	An Binh Fund VN Diamond	ABF	8/16/2024	VN30	n.a	n.a	n.a	20.8	31.8	0.7	n.a	n.a	n.a	n.a

Nguồn: Bloomberg

Mạng lưới Shinhan Investment

SEOUL

Shinhan Securities Corp.
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
18th Floor, The Mett Tower, 15 Tran Bach Dang Street, Thu Thiem Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To, Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District, Hanoi, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000



Thông báo tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.

Shinhan Securities